

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ XANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHA XANH DESIGN CONSULTANCY AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAXANH DE CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109708979

**3. Ngày thành lập:** 16/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 37 Ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0858129678

Fax:

Email: [lienhenhaxanh@gmail.com](mailto:lienhenhaxanh@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                              | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                        | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                   | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                            | 4222        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                              | 4229        |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                       | 4291        |
| 7.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                | 4292        |
| 8.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                          | 4293        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                     | 4299        |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                         | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                              | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                          | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.<br>-- - Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí. | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                 | 4329        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                 | 4330        |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                            | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                        | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4753 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4759 |
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 28. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt thép<br>- Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc<br>+ Thiết kế và phác thảo công trình;<br>+ Lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7110 |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299 |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2740 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                        | 2790 |
| 34. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                          | 2750 |
| 35. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>- Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 36. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                            | 3320 |
| 37. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                         | 3312 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 39. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 40. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                      | 4211 |
| 41. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                           | 4221 |
| 42. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                 | 4223 |
| 43. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê                                                                                           | 6810 |
| 44. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                                                                               | 6820 |
| 45. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                     | 1610 |
| 46. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                  | 1621 |
| 47. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                            | 1622 |
| 48. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                            | 1623 |
| 49. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                           | 1629 |
| 50. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác                                                                                                        | 3100 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 175010524

Ngày cấp: 12/12/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngưu Phương, Xã Quảng Khê, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3/121/57/15 Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội